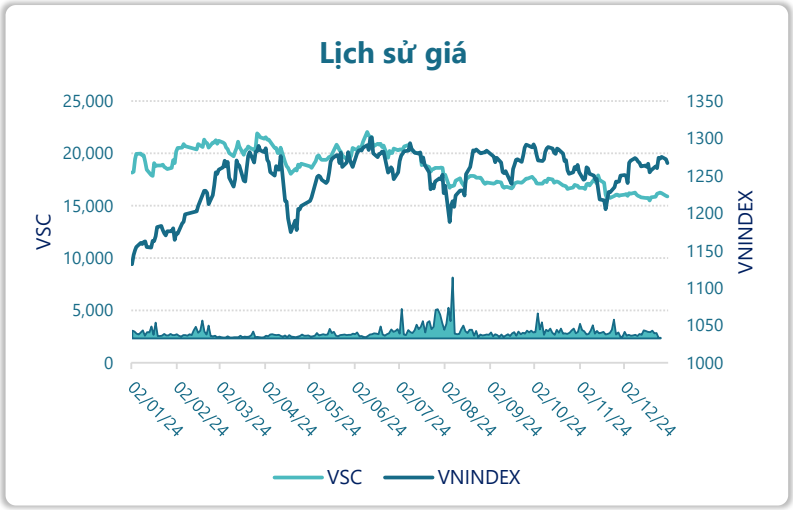
FireAnt

CTCP Container Việt Nam (HSX: VSC)



Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**15,900**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	22,047
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	15,500
SL cổ phiếu LH	286,796,819
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,589,222
% sở hữu nước ngoài	2.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	4,560
P/E	13.6
EPS	1,172

DT thuần

Q4/24

775

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 66.0| 9.3%

YoY: ▲ 149| 23.8%

LN sau thuế

Q4/24

195

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 117| 149%

YoY: ▲ 121| 162%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

29.4%

+/- YoY: ▲ 9.4%

DT thuần

2024

2,788

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 607| 27.8%

LN sau thuế

2024

561

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 362| 182%

ROE

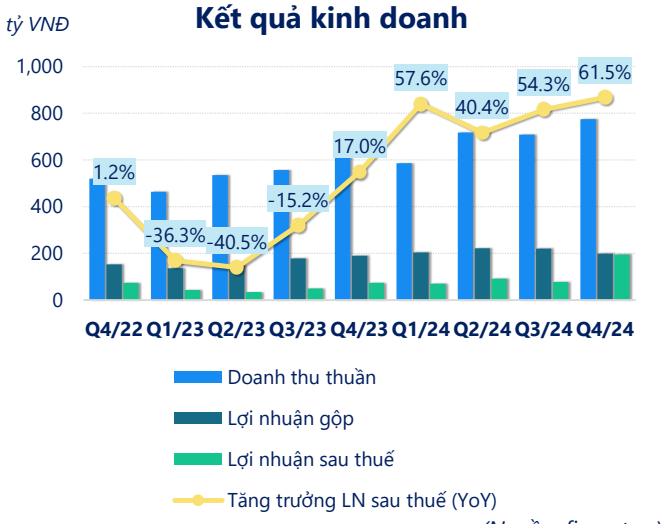
2024

11.1%

+/- YoY: ▲ 7.3%

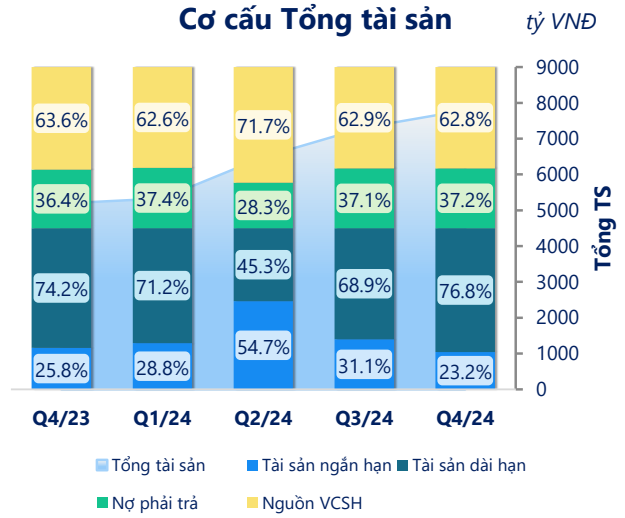
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



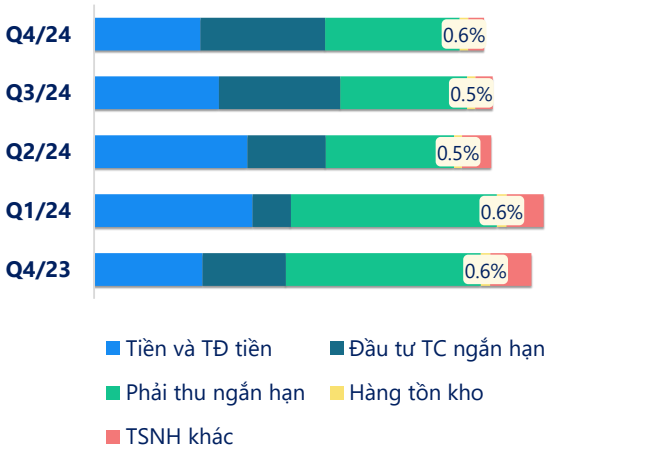
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



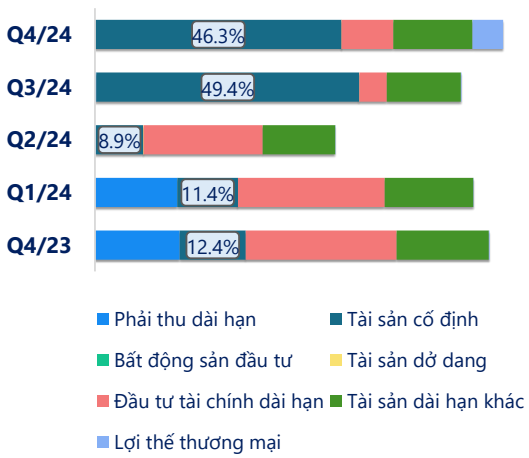
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



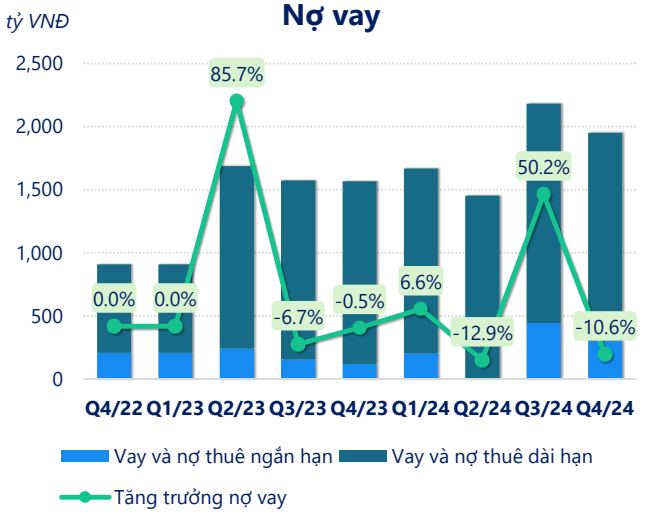
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



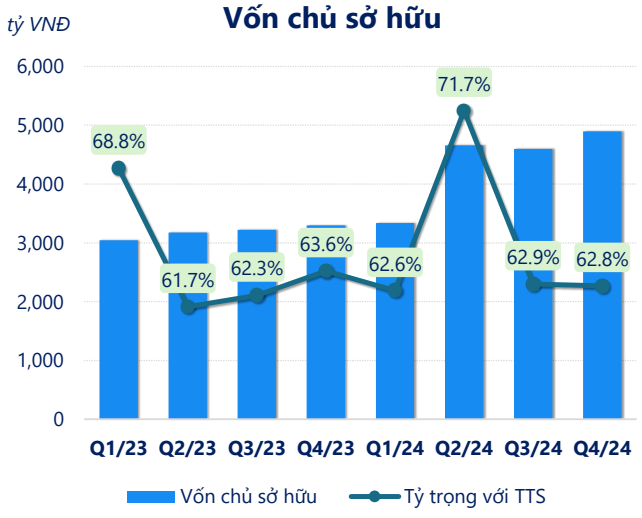
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



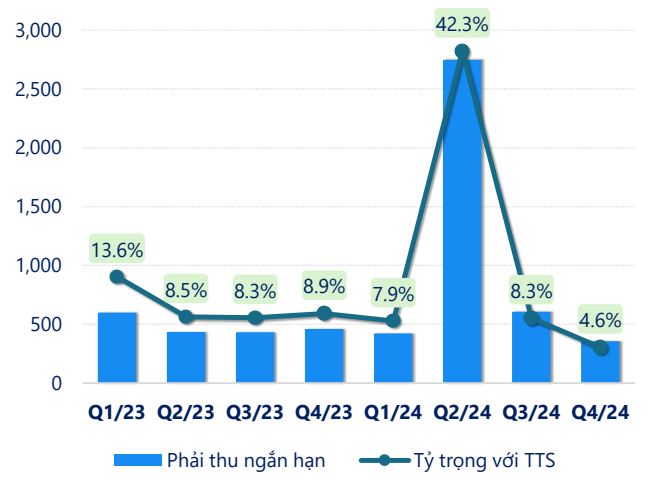
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



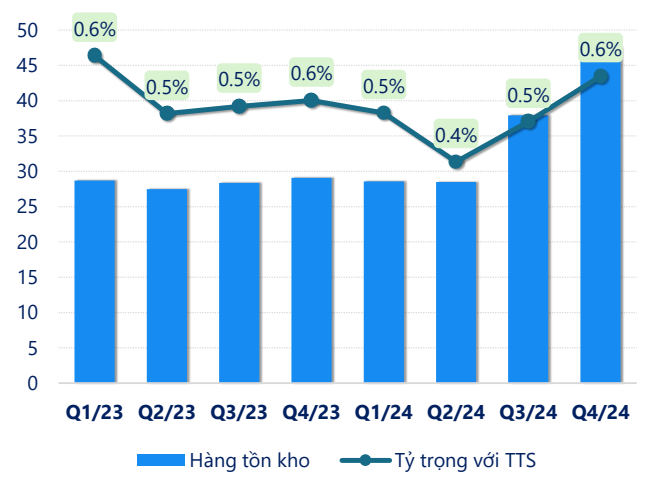
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



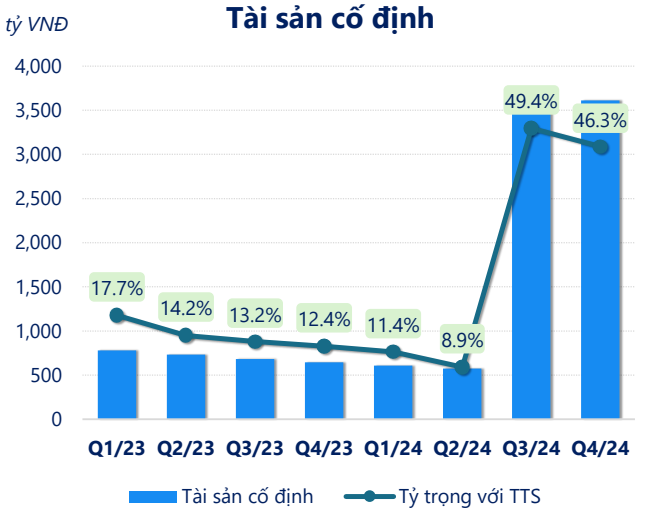
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



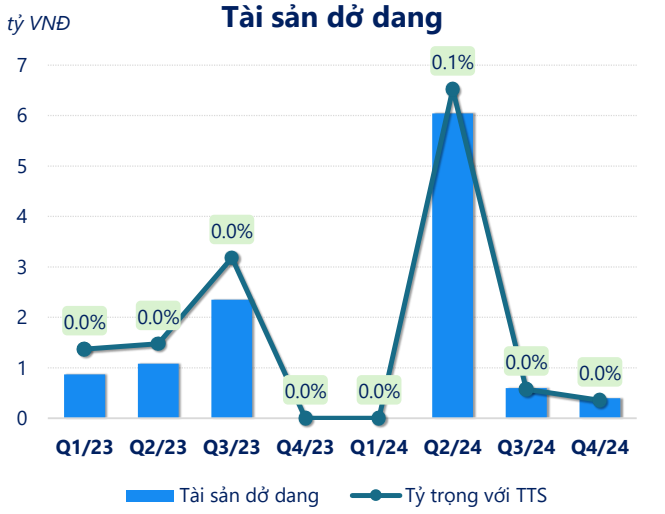
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



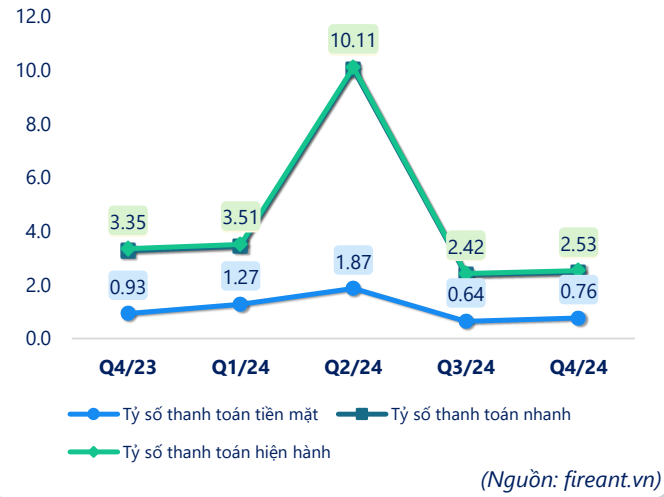
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



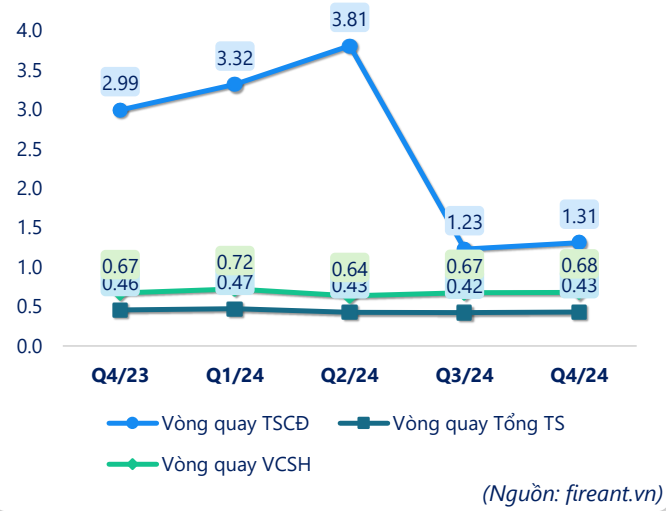
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**5,187**	**5,334**	**6,489**	**7,312**	**7,795**
Tài sản ngắn hạn	**1,339**	**1,535**	**3,551**	**2,274**	**1,812**
Tiền và tương đương tiền	371	557	656	601	547
Đầu tư tài chính ngắn hạn	425	470	51.9	969	806
Phải thu ngắn hạn	460	422	2,745	607	355
Hàng tồn kho	29.1	28.6	28.5	37.9	47.5
Tài sản ngắn hạn khác	54.3	57.9	70.5	59.6	56.2
Tài sản dài hạn	**3,848**	**3,799**	**2,937**	**5,038**	**5,984**
Phải thu dài hạn	827	826	11.9	19.0	3.62
Tài sản cố định	644	609	575	3,615	3,611
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	6.05	0.60	0.40
Đầu tư tài chính dài hạn	1,470	1,470	1,454	380	759
Tài sản dài hạn khác	902	889	887	1,019	1,159
Lợi thế thương mại	4.57	4.57	4.30	4.30	450
Nợ phải trả	**1,890**	**1,997**	**1,833**	**2,713**	**2,899**
Nợ ngắn hạn	**400**	**438**	**351**	**939**	**715**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	119	203	6.15	442	300
Phải trả người bán ngắn hạn	110	94.1	135	127	108
Nợ dài hạn	1,490	1,560	1,482	1,774	2,184
Vay và nợ thuê dài hạn	1,446	1,464	1,447	1,740	1,650
Nguồn vốn chủ sở hữu	**3,297**	**3,337**	**4,655**	**4,599**	**4,896**
Vốn chủ sở hữu	**3,297**	**3,337**	**4,655**	**4,599**	**4,896**
Vốn điều lệ	1,334	1,334	2,668	2,868	2,868
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)